

- Trang phục bao gồm những vật dụng nào sau đây?
  - Khăn quàng, giày.
  - Áo, quần.
  - Mũ, giày, tất.
  - Áo, quần và các vật dụng đi kèm.
- Quan sát các hình ảnh sau đây và nêu vai trò của trang phục trong từng trường hợp.



a. ....  
.....



b. ....  
.....



c. ....  
.....



d. ....  
.....

- Kể tên các kiểu trang phục theo từng cách phân loại sau đây.
  - Phân loại theo thời tiết: .....
  - Phân loại theo công dụng: .....
  - Phân loại theo lứa tuổi: .....
  - Phân loại theo giới tính: .....



a. ....



b. ....



c. ....

5. Để tạo cảm giác gây đi và cao lên, ta nên chọn vải may trang phục có đặc điểm nào sau đây?
- A. Màu đen, kẻ sọc dọc, mặt vải trơn.  
 B. Màu xanh đen, kẻ sọc ngang, mặt vải phẳng.  
 C. Màu trắng, hoa to, mặt vải bóng láng.  
 D. Màu vàng nhạt, hoa nhỏ, mặt vải thô.
6. Điền các chi tiết của kiểu may dưới đây vào chỗ trống.  
*có bèo dùm, ngang thân áo, rút dùm, thẳng suông, xếp li, vira sát cơ thể, rộng, dọc thân áo.*

Chi tiết kiểu may	Tạo cảm giác thon gọn, cao lên	Tạo cảm giác tròn đầy, thấp xuống
Đường nét	.....	.....
Kiểu may	..... ..... .....	..... ..... .....

7. Người lớn tuổi nên chọn vải và kiểu may trang phục nào dưới đây?
- A. Vải màu tối, kiểu may ôm sát.  
 B. Vải màu tối, kiểu may trang nhã, lịch sự.  
 C. Vải màu sắc sỡ, kiểu may hiện đại.  
 D. Vải màu tươi sáng, kiểu may cầu kì, phức tạp.

8. Đánh dấu ✓ vào ô  trước những đặc điểm của bộ trang phục phù hợp để học thể dục.

Loại vải may quần áo	Kiểu may	Kiểu giày dép
<input type="checkbox"/> Vải sợi bông	<input type="checkbox"/> Ôm sát người	<input type="checkbox"/> Dép lê
<input type="checkbox"/> Vải sợi tổng hợp	<input type="checkbox"/> Gọn gàng, thoải mái	<input type="checkbox"/> Giày đế thấp
<input type="checkbox"/> Vải sợi nhân tạo	<input type="checkbox"/> Rộng thùng thình	<input type="checkbox"/> Giày cao gót

9. Theo em, bộ trang phục trong hình bên thích hợp trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Đi chơi, dạo phố.
- B. Dự lễ hội.
- C. Làm việc ở văn phòng.
- D. Làm việc ở công trường.



10. Điền từ/ cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

*ngâm, xả nước, lần xả cuối, vò trước, vò kĩ, nước xả phòng.*

- Tẩy vết bẩn hoặc (1)..... với xà phòng những chỗ bám bẩn nhiều như: cổ áo, nách áo, đáy quần;
- (2)..... quần áo trong (3)..... khoảng 15 – 30 phút;
- (4)..... toàn bộ quần áo;
- (5)..... nhiều lần cho sạch. Có thể dùng thêm nước xả vải trong lần (6).....

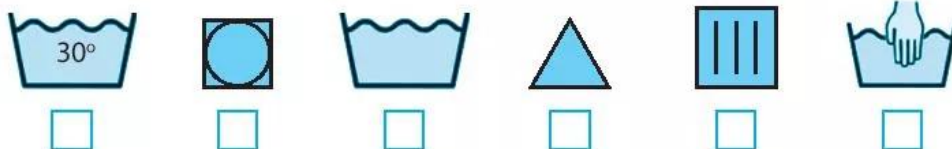
11. Đánh dấu ✓ vào (các) ô  trước dụng cụ **không** dùng để là quần áo.

- |                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Móc treo.    | <input type="checkbox"/> Bàn là.         |
| <input type="checkbox"/> Cầu là.      | <input type="checkbox"/> Bàn chải.       |
| <input type="checkbox"/> Kẹp quần áo. | <input type="checkbox"/> Bình phun nước. |

12. Tại sao người ta cần phân loại quần áo trước khi là?

- A. Để quần áo không bị bay màu.
- B. Để là quần áo nhanh hơn.
- C. Để là riêng từng nhóm quần áo theo loại vải.
- D. Để dễ cất giữ quần áo sau khi là.

13. Kí hiệu nào dưới đây cho biết loại quần áo có thể giặt được?



14. Kí hiệu nào dưới đây cho biết loại quần áo **không được** là?










15. Nối tên các loại trang phục với cách cất giữ cho phù hợp.

Loại trang phục	Cách cất giữ
1. Đồng phục đi học	a. Treo lên móc áo
2. Quần áo mặc thường ngày ở nhà	b. Gấp gọn gàng trong ngăn tủ
3. Quần áo mặc ngày lễ, Tết	c. Gói vào túi để tránh ẩm mốc và côn trùng cắn
4. Quần áo mặc đi chơi	
5. Quần áo thể dục	
6. Quần áo mặc ấm	

*Chân trời sáng tạo*